

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ TDG GLOBAL  
-----\*-----

Số: 2307/2024/CBTT-TDG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----\*-----

Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
- Mã chứng khoán: TDG
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô D1, KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại: 0204.2244.903
- Fax: 0204.3661.311
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Minh Hiếu - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính soát xét kiểm toán 6 tháng đầu năm 2024 – Hợp nhất, Báo cáo tài chính soát xét kiểm toán 6 tháng đầu năm 2024 - Riêng và giải trình chênh lệch số liệu.
- Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố: [www.thaiduongpetrol.vn](http://www.thaiduongpetrol.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán – Hợp nhất;
- Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán – Riêng;
- Giải trình chênh lệch số liệu.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**LÊ MINH HIẾU**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2307/2024/TDG-CV  
"V/v: Giải trình chênh lệch số liệu"

Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư TDG GLOBAL
- Mã chứng khoán: TDG
- Địa chỉ trụ sở: Lô D1 – KCN Đình Trám – Phường Nénh – Thị xã Việt Yên – tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại: 0204.2244.903
- Fax: 02043 661 311

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG GLOBAL xin giải trình nguyên nhân:

**1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.**

**❖ Trên Báo cáo tài chính Riêng**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 theo Báo cáo tài chính Riêng là 1.949.858.451 đồng, tăng 16,32% so với cùng kỳ, với nguyên nhân chính là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng mạnh (tăng 83,24%), cùng với đó công ty đã cố gắng quản lý chi phí hiệu quả hơn nên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 2,23% so với cùng kỳ.

**❖ Trên Báo cáo tài chính Hợp nhất**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 theo Báo cáo tài chính Hợp nhất là 1.949.858.451 đồng, tăng 16,32% so với cùng kỳ, với nguyên nhân chính là do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng mạnh (tăng 83,24%), cùng với đó công ty đã cố gắng quản lý chi phí hiệu quả hơn nên chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 2,23% so với cùng kỳ.



**2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo không có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên.**

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ MINH HIỆU**





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (gọi tắt là "Công ty") - được đổi tên từ Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/07/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 04/06/2024.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là bán buôn khí đốt, các sản phẩm liên quan và các hoạt động khác.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nính, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 của Công ty là 193.691.720.000 VND, tương đương với 19.369.172 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 15/06/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global đã niêm yết trên HSX với mã chứng khoán TDG.

### **2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	17/05/2024	
Ông Võ Anh Thái	Chủ tịch HĐQT		17/05/2024
	Phó Chủ tịch HĐQT	17/05/2024	
Ông Đinh Phú Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	17/05/2024	
Ông Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT		
Ông Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT		

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Minh Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hà Bắc	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát Công ty:**

Bà Lương Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Đình Chiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Võ Anh Thái – Phó Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 01/10/1962; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 001062000466 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 07/11/2022).

- Ông Lê Minh Hiếu – Tổng Giám đốc (sinh ngày 17/05/1975; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 001075002300 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021).

- Ông Trương Đình Hải – Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 25/02/1977; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 001077020768 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 14/04/2023).

- Ông Đinh Phú Minh – Phó Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 12/11/1979; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 030079000047 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 12/11/2019).

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **8. Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Lê Minh Hiếu**  
**Tổng Giám đốc**

Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024



## BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 07 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**ÔNG THẾ ĐỨC**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –  
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>442.421.429.954</b>	<b>394.685.923.190</b>
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.521.303.606	12.585.624.203
1. Tiền	111		40.521.303.606	12.585.624.203
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	38.272.753.300	42.886.060.400
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.272.753.300	42.886.060.400
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.563.991.459	107.846.554.217
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	108.620.723.202	93.447.582.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	54.637.731.546	12.446.119.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.305.536.711	1.952.852.536
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	197.862.988.496	221.414.034.847
1. Hàng tồn kho	141		197.862.988.496	221.414.034.847
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		1.200.393.093	9.953.649.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	139.399.508	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.060.993.585	9.952.882.261
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	-	767.262
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>244.734.397.742</b>	<b>259.599.499.680</b>
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	60.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	60.000.000	60.000.000
II/ Tài sản cố định	220		13.222.590.386	13.704.567.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	11.591.993.662	11.944.880.260
- Nguyên giá	222		25.845.493.202	25.845.493.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.253.499.540)	(13.900.612.942)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	1.549.090.904	1.678.181.816
- Nguyên giá	225		1.807.272.727	1.807.272.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(258.181.823)	(129.090.911)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	81.505.820	81.505.820
- Nguyên giá	228		81.505.820	81.505.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	62.000.000.000	60.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		169.451.807.356	185.834.931.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	169.451.807.356	185.834.931.784
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>687.155.827.696</b>	<b>654.285.422.870</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nếnh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>447.348.571.989</b>	<b>416.428.025.614</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>405.139.603.085</b>	<b>371.899.029.542</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	57.162.681.933	81.697.257.778
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	2.332.272.702	1.108.279.174
3. Phải trả người lao động	314		124.450.150	134.345.651
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.224.390.459	822.096.049
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	1.257.955.665	1.198.000.890
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	132.000.000	132.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	342.905.852.176	286.807.050.000
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>42.208.968.904</b>	<b>44.528.996.072</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	718.860.240	718.860.240
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	41.490.108.664	43.810.135.832
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>239.807.255.707</b>	<b>237.857.397.256</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>239.807.255.707</b>	<b>237.857.397.256</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		193.691.720.000	193.691.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		193.691.720.000	193.691.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.115.535.707	44.165.677.256
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.165.677.256	41.100.708.302
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.949.858.451	3.064.968.954
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>687.155.827.696</b>	<b>654.285.422.870</b>

Lê Minh Hiếu  
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Minh Hiếu*

Nguyễn Thị Linh Hương  
Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Linh Hương*

Đặng Thị Lợi  
Người lập biểu

*Đặng Thị Lợi*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nễnh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	793.357.234.365	432.965.741.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		793.357.234.365	432.965.741.030
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	757.891.651.716	400.390.491.317
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.465.582.649	32.575.249.713
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.256.825.035	547.409.555
7. Chi phí tài chính	22	6.4	14.353.174.156	14.036.715.712
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.353.174.156	14.036.715.712
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	14.518.787.464	15.167.707.884
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	1.882.377.736	1.606.733.771
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.968.068.328	2.311.501.901
11. Thu nhập khác	31		-	1
12. Chi phí khác	32	6.7	2.808.996.212	113.926.217
13. Lợi nhuận khác	40		(2.808.996.212)	(113.926.216)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.159.072.116	2.197.575.685
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.209.213.665	521.259.701
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.949.858.451	1.676.315.984

Lê Minh Hiếu  
 Tổng Giám đốc  
 Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Thị Linh Hương  
 Kế toán trưởng

Đặng Thị Lợi  
 Người lập biểu



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Lê Minh Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Nguyễn Thị Linh Hương

Đặng Thị Lợi

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.159.072.116	2.197.575.685
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	481.977.510	352.886.598
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.256.825.035)	(547.409.555)
- Chi phí lãi vay	06	14.353.174.156	14.036.715.712
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.737.398.747	16.039.768.440
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(49.934.692.960)	28.497.155.420
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.551.046.351	(4.661.215.056)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(24.469.736.708)	(73.073.871.479)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16.243.724.920	14.404.634.655
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.950.879.746)	(13.843.735.296)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	(438.430.851)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(31.823.139.396)</b>	<b>(33.075.694.167)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.100.000.000	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(6.100.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.880.043.791	9.849.262
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.980.043.791</b>	<b>(6.090.150.738)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	445.006.751.028	429.772.111.233
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(391.227.976.020)	(389.549.111.233)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	(934.530.353)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>53.778.775.008</b>	<b>39.288.469.647</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	27.935.679.403	122.624.742
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.585.624.203	10.725.051.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>40.521.303.606</u>	<u>10.847.676.677</u>

Lê Minh Hiếu  
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Minh Hiếu*

Nguyễn Thị Linh Hương  
Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Nguyễn Thị Linh Hương*

Đặng Thị Lợi  
Người lập biểu

*Đặng Thị Lợi*



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (gọi tắt là "Công ty") - được đổi tên từ Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/07/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 04/06/2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24 của Công ty là 193.691.720.000 VND, tương đương với 19.369.172 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 15/06/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global đã niêm yết trên HSX với mã chứng khoán TDG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 14 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: bán buôn khí đốt, các sản phẩm liên quan và các hoạt động khác.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán khí đốt và các sản phẩm liên quan: Mua bán khí đốt hoá lỏng;
- Buôn bán sắt thép: Kinh doanh sắt thép các loại.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 06 năm 2024 Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

<b>Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>		
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global	29 Giang Văn Minh, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh		
Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 6 Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh		
<b>Tên công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp thực tế</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global	Lạng Sơn, Việt Nam	100%	100%
<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp thực tế</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty Cổ phần Power Trade	Lạng Sơn, Việt Nam	20%	20%

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### **1.6 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global.

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích và nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### **4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định như sau:

- + Hàng hoá là khí hoá lỏng được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- + Hàng hoá là thép các loại và thành phẩm vỏ bình gas được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
TSCĐ khác	03 - 05

### 4.8 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### 4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá nếu có bằng chứng cho thấy giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

### 4.11 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### Đầu tư vào Công ty con:

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ đi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
  - Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hoặc thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

#### 4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 4.13 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

#### 4.14 Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

### **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

#### **4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

#### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### **Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

##### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn 02 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### **4.17 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### **4.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **4.19 Thuế**

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp các khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **4.20 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

---

### **4.21 Công cụ tài chính**

#### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### **4.22 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	5.017.037.272	4.927.308.132
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.504.266.334	7.658.316.071
<b>Cộng</b>	<b><u>40.521.303.606</u></b>	<b><u>12.585.624.203</u></b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>38.272.753.300</b>	<b>38.272.753.300</b>	<b>42.886.060.400</b>	<b>42.886.060.400</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	38.272.753.300	38.272.753.300	42.886.060.400	42.886.060.400
<b>Cộng</b>	<b><u>38.272.753.300</u></b>	<b><u>38.272.753.300</u></b>	<b><u>42.886.060.400</u></b>	<b><u>42.886.060.400</u></b>

(i) Đây là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang 6,1%, lãi nhận cuối kỳ. Tại ngày 30/06/2024, toàn bộ số tiền gửi trên đang được thế chấp tại ngân hàng sở tại để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nính, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý VND
<b><i>Đầu tư vào công ty con</i></b>	<b>2.000.000.000</b>	-	-	-	-	-
Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global	2.000.000.000	-	(i)	-	-	-
<b><i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i></b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	<b>60.000.000.000</b>	-	-
Công ty Cổ phần Power Trade	60.000.000.000	-	(i)	60.000.000.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>62.000.000.000</b>	-	-	<b>60.000.000.000</b>	-	-

(i) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Chi tiết các khoản đầu tư**

Tên	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global	100%	100%	Thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty Cổ phần Power Trade	20%	20%	Thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thịnh Vượng	6.567.439.396	-	30.466.547.996	-
Công ty TNHH Thương mại sản xuất sắt thép Đình Khang	-	-	11.336.351.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình IPC	-	-	18.191.836.740	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Thái Lan	-	-	12.928.245.000	-
Công Ty TNHH TMDV Phát Lộc Bảo	10.784.400.000	-	-	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thúy Triều	45.060.158.764	-	-	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Vũ Minh Vũ	39.634.650.422	-	-	-
Các khách hàng khác	6.574.074.620	-	20.524.601.345	-
<b>Cộng</b>	<b>108.620.723.202</b>	<b>-</b>	<b>93.447.582.481</b>	<b>-</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Trả trước các khách hàng khác</b>				
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Ân	-	-	12.100.000.000	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Và Vận Tải Anh Thư	26.398.270.000	-	-	-
Công ty TNHH sản xuất và cung ứng vật tư Hà Nội	9.057.639.166	-	-	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Nhà Kim Cương	18.805.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	376.822.380	-	346.119.200	-
<b>Cộng</b>	<b>54.637.731.546</b>	<b>-</b>	<b>12.446.119.200</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.5 Phải thu khác****5.5.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>				
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.758.498	-	8.833.463	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.231.313.785	-	1.854.532.541	-
Phải thu khác	65.464.428	-	89.486.532	-
<b>Cộng</b>	<b>1.305.536.711</b>	<b>-</b>	<b>1.952.852.536</b>	<b>-</b>

**5.5.2 Phải thu khác dài hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	60.000.000	-	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	75.312.081.601	-	108.292.501.268	-
Hàng hoá	122.550.906.895	-	113.121.533.579	-
<b>Cộng</b>	<b>197.862.988.496</b>	<b>-</b>	<b>221.414.034.847</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí thuê và sử dụng cơ sở hạ tầng	64.399.508	-
Chi phí trả trước khác	75.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>139.399.508</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ (i)	169.451.807.356	185.834.931.784
<b>Cộng</b>	<b>169.451.807.356</b>	<b>185.834.931.784</b>

(i) Công cụ dụng cụ chờ phân bổ dài hạn là giá trị còn lại của Vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng:

- Số dư đầu năm: 185.834.931.784 VND.
- Vỏ bình gas mới đưa vào sử dụng trong kỳ: 0 VND.
- Số phân bổ trong kỳ: 16.383.124.428 VND.
- Số dư cuối kỳ: 169.451.807.356 VND.

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	17.946.189.677	7.324.291.403	575.012.122	25.845.493.202
Mua trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2024</b>	<b>17.946.189.677</b>	<b>7.324.291.403</b>	<b>575.012.122</b>	<b>25.845.493.202</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư tại 01/01/2024	6.912.042.788	6.550.791.357	437.778.797	13.900.612.942
Khấu hao trong kỳ	238.019.934	90.999.996	23.866.668	352.886.598
<b>Số dư tại 30/06/2024</b>	<b>7.150.062.722</b>	<b>6.641.791.353</b>	<b>461.645.465</b>	<b>14.253.499.540</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2024	11.034.146.889	773.500.046	137.233.325	11.944.880.260
Số dư tại 30/06/2024	10.796.126.955	682.500.050	113.366.657	11.591.993.662
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>				
Số dư tại 01/01/2024	4.789.296.019	5.504.291.403	288.612.121	10.582.199.543
Số dư tại 30/06/2024	4.789.296.019	5.504.291.403	288.612.121	10.582.199.543

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.9 Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	1.807.272.727	1.807.272.727
Số dư tại 30/06/2024	<u>1.807.272.727</u>	<u>1.807.272.727</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư tại 01/01/2024	129.090.911	129.090.911
Khấu hao trong kỳ	129.090.912	129.090.912
Số dư tại 30/06/2024	<u>258.181.823</u>	<u>258.181.823</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2024	1.678.181.816	1.678.181.816
Số dư tại 30/06/2024	<u>1.549.090.904</u>	<u>1.549.090.904</u>

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2024	81.505.820	81.505.820
Số dư tại 30/06/2024	<u>81.505.820</u>	<u>81.505.820</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
Số dư tại 01/01/2024	-	-
Số dư tại 30/06/2024	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại 01/01/2024	81.505.820	81.505.820
Số dư tại 30/06/2024	<u>81.505.820</u>	<u>81.505.820</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Tín Nghĩa	55.849.739.321	55.849.739.321	56.305.901.248	56.305.901.248
Công ty TNHH Một thành viên Thuận Phát Hải Dương	-	-	17.906.231.112	17.906.231.112
Các nhà cung cấp khác	1.312.942.612	1.312.942.612	7.485.125.418	7.485.125.418
<b>Cộng</b>	<b>57.162.681.933</b>	<b>57.162.681.933</b>	<b>81.697.257.778</b>	<b>81.697.257.778</b>

### 5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.108.279.174	1.209.213.665	-	-	2.317.492.839
Thuế thu nhập cá nhân	767.262	-	15.547.125	-	-	14.779.863
<b>Cộng</b>	<b>767.262</b>	<b>1.108.279.174</b>	<b>1.224.760.790</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.332.272.702</b>

### 5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.224.390.459	822.096.049
<b>Cộng</b>	<b>1.224.390.459</b>	<b>822.096.049</b>

### 5.14 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Doanh thu cho thuê xưởng	1.257.955.665	1.198.000.890
<b>Cộng</b>	<b>1.257.955.665</b>	<b>1.198.000.890</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 5.15 Các khoản phải trả khác

#### 5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>				
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>				
Phải trả khác	132.000.000	132.000.000	132.000.000	132.000.000
<b>Cộng</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>	<b>132.000.000</b>

#### 5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	718.860.240	718.860.240	718.860.240	718.860.240
<b>Cộng</b>	<b>718.860.240</b>	<b>718.860.240</b>	<b>718.860.240</b>	<b>718.860.240</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 5.16 Vay và nợ thuê tài chính

#### 5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>1&gt;Vay ngắn hạn</b>	<b>341.450.852.176</b>	<b>341.450.852.176</b>	<b>445.006.751.028</b>	<b>390.362.948.852</b>	<b>286.807.050.000</b>	<b>286.807.050.000</b>
Ngân hàng MBBank - PGD Hoàng Cầu (i)	120.000.000.000	120.000.000.000	120.085.000.000	50.085.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN tỉnh Bắc Giang (ii)	107.200.000.000	107.200.000.000	163.261.586.042	170.861.586.042	114.800.000.000	114.800.000.000
Ngân hàng TPBank - Hội sở	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng VPBank - CN Chương Dương (iii)	39.675.083.186	39.675.083.186	52.871.502.186	51.722.419.000	38.526.000.000	38.526.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Đống Đa (iv)	74.575.768.990	74.575.768.990	108.788.662.800	115.693.943.810	81.481.050.000	81.481.050.000
	-	-	-	-	-	-
<b>2&gt; Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.455.000.000</b>	<b>1.455.000.000</b>	<b>1.455.000.000</b>	-	-	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN tỉnh Bắc Giang (v)	1.455.000.000	1.455.000.000	1.455.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>342.905.852.176</b>	<b>342.905.852.176</b>	<b>446.461.751.028</b>	<b>390.362.948.852</b>	<b>286.807.050.000</b>	<b>286.807.050.000</b>



## THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 5.16.3 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(i): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cấp tín dụng số 221559.24.059.392388.TD ngày 20/06/2024:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND, giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư các khoản tín dụng của Khách hàng theo Hợp đồng cho vay số 166302.23.059.392388.TD ngày 16/10/2023 giao kết giữa MB và khách hàng.
- Thời hạn cho vay: thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa là 05 tháng kể từ ngày giải ngân đến hạn ngày đáo hạn quy định tại VBNN.
- Mục đích cấp tín dụng: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khí LPG (Gas) của Khách hàng.
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của Khách hàng.
- Biện pháp đảm bảo: Thế chấp hàng hoá là khí LPG (gas), vỏ bình gas và thương hiệu Thái Dương Gas duy nhất tại MB.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2024 là: 120.000.000.000 VND.

(ii): Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 05/09/2023 (Gồm Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 2500LAV202300492 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 2500LAV202300492 ngày 05/09/2023:

- Hạn mức tín dụng: 114.800.000.000 VND.
- Thời hạn cho vay: thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa là 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.
- Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động để sản xuất, chiết nạp LPG vào chai, kinh doanh thương mại các mặt hàng như: sắt, thép xây dựng các loại; nông sản các loại như chuối xanh, thanh long,...
- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay thả nổi có điều chỉnh (kỳ điều chỉnh lãi suất: Agribank Chi nhánh nơi cho vay được quyền chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay theo định kỳ 03 tháng/một lần). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này là 8%/năm (365 ngày).
- Số dư tại thời điểm 30/06/2024 là: 107.200.000.000 VND.

(iii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp cho vay số 050623-553353-01-SME ngày 07/06/2023:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND.
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 07/06/2023, thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần không vượt quá 5 tháng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh khí gas hoá lỏng và thanh toán tiền mua thép tấm, thép cuộn, thép hình phục vụ hoạt động gia công của khách hàng.
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.
- Biện pháp đảm bảo: Thế chấp bằng 01 BĐS tại Thửa đất số 68 tờ bản đồ số 7G-IV-29, địa chỉ thửa đất số 9, hẻm 74/13 ngõ Thịnh Hòa 1, Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Võ Anh Thái và vợ là bà Trần Thị Thanh Thủy theo quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109092644 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội – UBND Quận Đống Đa cấp ngày 15/05/2003; Cầm cố bằng 01 sổ tiền gửi tiết kiệm online số 247940901 và 01 sổ tiền gửi tiết kiệm online số 238023807 thuộc sở hữu của ông Lê Minh Hiếu và bà Nguyễn Thị Xuân Phương; Cầm cố giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi do bên Ngân hàng/VPSMBC phát hành, tiền ký quỹ trong tài khoản mở tại Bên Ngân hàng được Bên Ngân hàng chấp nhận.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2024 là: 39.675.083.186 VND.

(iv): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/7942489/HDTD ngày 31/08/2023:

- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024**

- Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 30/04/2024.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, phát hành thẻ tín dụng.
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.
- Biện pháp đảm bảo: Các biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2024 là: 74.575.768.990 VND.

(v): Hợp đồng cho thuê tài chính số 15.23.03/CTTC ngày 15/06/2023 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:

- Tài sản cho thuê: Trạm biến áp 1000kVA-22/0.4kV có giá trị 1.988.000.000 VND (đã bao gồm VAT)
- Số tiền cho thuê: 1.080.163.000 VND, số tiền trả trước: 907.837.000 VND
- Thời hạn cho thuê: 36 tháng
- Lãi suất cho thuê: Đối với lãi suất trong hạn: lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank Sở Giao dịch công bố tại thời điểm đó cộng với biên độ 3%/năm. Đối với lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2024 là: 720.108.664 VND.

(vi): Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 2500LAV202200368 ngày 03/07/2020:

- Số tiền cho vay: 5.800.000.000 VND.
- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
- Thời hạn cho vay: 60 tháng.
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư Dự án "Khu nhà xưởng, nhà kho Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương" để cho thuê.
- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này là 10%/năm, lãi suất cụ thể được ghi trên từng giấy nhận nợ.
- Số dư tại thời điểm 30/06/2024 là: 2.225.000.000 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày 30/06/2024 là 1.455.000.000 VND.

(vii): Trong năm, Công ty đã phát hành 400 trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global, loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 03 năm kể từ ngày phát hành; lãi suất 13,7%/năm; lãi nhận 01 tháng/lần; mục đích phát hành: tái cơ cấu lại khoản nợ hình thành từ nguồn phát hành trái phiếu TDGBH2223001 đã đáo hạn vào ngày 18/01/2023 và thanh toán khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành: 40.000.000.000 VND.

- Trái phiếu được chào bán thành công, nhà đầu tư chính là Công ty Cổ phần Chứng khoán APG (đầu tư 95% giá trị trái phiếu phát hành), còn lại là nhà đầu tư cá nhân.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 5.17 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

#### 5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>167.700.000.000</b>	-	-	<b>57.869.018.302</b>	<b>225.569.018.302</b>
Tăng vốn trong năm trước	25.991.720.000	-	-	-	25.991.720.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.064.968.954	3.064.968.954
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(16.768.310.000)	(16.768.310.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>193.691.720.000</b>	-	-	<b>44.165.677.256</b>	<b>237.857.397.256</b>
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>193.691.720.000</b>	-	-	<b>44.165.677.256</b>	<b>237.857.397.256</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.949.858.451	1.949.858.451
<b>Số dư tại 30/06/2024</b>	<b>193.691.720.000</b>	-	-	<b>46.115.535.707</b>	<b>239.807.255.707</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Minh Hiếu	13.903.510.000	7,18%	25.673.510.000	13,25%
Ông Võ Anh Thái	10.912.680.000	5,63%	19.625.090.000	10,13%
Các cổ đông khác	168.875.530.000	87,19%	148.393.120.000	76,61%
<b>Cộng</b>	<b>193.691.720.000</b>	<b>100%</b>	<b>193.691.720.000</b>	<b>100%</b>

**5.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 VND
Vốn góp đầu năm	193.691.720.000	167.700.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	25.991.720.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	193.691.720.000	193.691.720.000

**5.17.4 Cổ phiếu**

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>19.369.172</b>	<b>19.369.172</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>19.369.172</b>	<b>19.369.172</b>
Cổ phiếu phổ thông	19.369.172	19.369.172
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>19.369.172</b>	<b>19.369.172</b>
Cổ phiếu phổ thông	19.369.172	19.369.172
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	756.454.664.040	431.573.994.170
Doanh thu bán thành phẩm	30.924.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.978.570.325	1.391.746.860
<b>Cộng</b>	<b>793.357.234.365</b>	<b>432.965.741.030</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	722.016.113.520	400.390.491.317
Giá vốn của thành phẩm đã bán	32.980.419.667	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.895.118.529	-
<b>Cộng</b>	<b>757.891.651.716</b>	<b>400.390.491.317</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.256.825.035	547.409.555
<b>Cộng</b>	<b>1.256.825.035</b>	<b>547.409.555</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.353.174.156	14.036.715.712
<b>Cộng</b>	<b>14.353.174.156</b>	<b>14.036.715.712</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	500.096.967	472.561.866
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	13.927.690.501	14.604.146.022
Chi phí khấu hao TSCĐ	90.999.996	90.999.996
<b>Cộng</b>	<b>14.518.787.464</b>	<b>15.167.707.884</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	645.930.324	600.528.325
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.163.144	261.886.602
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	658.699.944	534.387.463
Chi phí bằng tiền khác	319.584.324	205.931.381
<b>Cộng</b>	<b>1.882.377.736</b>	<b>1.606.733.771</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	-	113.926.217
Các khoản chi phí không được trừ	2.808.996.210	-
Các khoản khác	2	-
<b>Cộng</b>	<b>2.808.996.212</b>	<b>113.926.217</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.159.072.116</b>	<b>2.197.575.685</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>2.886.996.210</b>	<b>216.568.564</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	2.886.996.210	216.568.564
<i>Thù lao HDQT, BKS không thường trực</i>	<i>78.000.000</i>	<i>78.000.000</i>
<i>Chi phí khấu hao tài sản không hợp lệ</i>	<i>-</i>	<i>24.642.347</i>
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>2.808.996.210</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính</i>	<i>-</i>	<i>113.926.217</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>6.046.068.326</b>	<b>2.414.144.249</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất thông thường</b>	<b>1.209.213.665</b>	<b>482.828.850</b>
<b>Thuế TNDN được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>1.209.213.665</b>	<b>482.828.850</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	38.430.851
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.209.213.665</b>	<b>521.259.701</b>

### 6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày về lãi cơ bản trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính này.

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### 7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trong kỳ được nhập vào gốc cho kỳ hạn mới	1.486.692.900	1.101.977.100
Hoán đổi trái phiếu	-	32.120.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	16.768.310.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 7.2 Tiền thực thu từ đi vay

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	445.006.751.028	429.772.111.233

### 7.3 Tiền thực trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	391.227.976.020	389.549.111.233

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	30/06/2024		Giá trị ghi sổ 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.521.303.606	-	12.585.624.203	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.986.259.913	-	95.460.435.017	-
Đầu tư tài chính	100.272.753.300	-	102.886.060.400	-
<b>Cộng</b>	<b>250.780.316.819</b>	<b>-</b>	<b>210.932.119.620</b>	<b>-</b>

	30/06/2024		Giá trị ghi sổ 01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	384.395.960.840	-	330.617.185.832	-
Phải trả người bán và phải trả khác	58.013.542.173	-	82.548.118.018	-
Chi phí phải trả	1.224.390.459	-	822.096.049	-
<b>Cộng</b>	<b>443.633.893.472</b>	<b>-</b>	<b>413.987.399.899</b>	<b>-</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024**

đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***i. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

### ***ii. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.521.303.606	-	-	40.521.303.606
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.926.259.913	60.000.000	-	109.986.259.913
Đầu tư tài chính	38.272.753.300	-	62.000.000.000	100.272.753.300
<b>Cộng</b>	<b>188.720.316.819</b>	<b>60.000.000</b>	<b>62.000.000.000</b>	<b>250.780.316.819</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.585.624.203	-	-	12.585.624.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.447.582.481	-	-	93.447.582.481
Đầu tư tài chính	42.886.060.400	-	60.000.000.000	102.886.060.400
<b>Cộng</b>	<b>148.919.267.084</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>208.919.267.084</b>

### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	342.905.852.176	41.490.108.664	-	384.395.960.840
Phải trả người bán và phải trả khác	57.294.681.933	718.860.240	-	58.013.542.173
Chi phí phải trả	1.224.390.459	-	-	1.224.390.459
<b>Cộng</b>	<b>401.424.924.568</b>	<b>42.208.968.904</b>	<b>-</b>	<b>443.633.893.472</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	286.807.050.000	43.810.135.832	-	330.617.185.832
Phải trả người bán và phải trả khác	81.829.257.778	718.860.240	-	82.548.118.018
Chi phí phải trả	822.096.049	-	-	822.096.049
<b>Cộng</b>	<b>369.458.403.827</b>	<b>44.528.996.072</b>	<b>-</b>	<b>413.987.399.899</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>Lương thưởng Ban Tổng GD</b>			<b>230.714.154</b>	<b>125.418.308</b>
Lê Minh Hiếu	Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	230.714.154	125.418.308
<b>Thù lao HĐQT</b>			<b>89.772.725</b>	<b>72.000.000</b>
Võ Anh Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	18.000.000	18.000.000
Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	18.000.000	18.000.000
<b>Thù lao ban kiểm soát</b>			<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
Lương Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Dương Đình Chiến	Thành viên Ban kiểm soát	Thù lao ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Trần Thị Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	Thù lao ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000

*Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt.

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**9.3 Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**9.4 Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu được trình bày do Báo cáo tài chính của Công ty điều chỉnh hồi tố, chi tiết như sau:

Khoản mục	Mã số	31/12/2023	01/01/2024 trình bày lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	24.025.493.202	25.845.493.202	1.820.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(12.854.112.988)	(13.900.612.942)	(1.046.499.954)
Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	225	3.627.272.727	1.807.272.727	(1.820.000.000)
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính	226	(1.175.590.865)	(129.090.911)	1.046.499.954
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.810.135.832	43.810.135.832	40.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)

**9.5 Thông tin về hoạt động liên tục**

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

### 9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lê Minh Hiếu  
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 07 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Minh Hiếu*

Nguyễn Thị Linh Hương  
Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*Nguyễn Thị Linh Hương*

Đặng Thị Lợi  
Người lập biểu

*[Handwritten signature]*

*Đặng Thị Lợi*

